| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **133** /2019/HS-PT
Ngày: 23/9/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Văn Minh
*Các Thẩm phán*: Ông Tôn Anh Dũng
Ông Trương Cao Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng; Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 102/2019/TLPT-HS ngày 30/7/2019 đối với bị cáo Lê Thị Th, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 91/2019/HSST ngày 22/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Lê Thị Th (tên gọi khác: Bé), sinh ngày 06/7/1986, tại tỉnh T; nơi cư trú: Số X đường T, phường T, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1962; gia đình có 04 anh, chị em ruột; bị cáo là con thứ 2; có chồng là Nguyễn H, sinh năm 1982, hiện đã sống ly thân; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

* Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, học văn hóa đến lớp 06/12 thì nghỉ học ở phụ giúp gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Lê Thị Th và chị Lê Thị B là vợ của anh Trần Văn T có mối quan hệ bà con, Th thường đến tiệm làm tóc của vợ chồng anh T tại số X đường T, phường T, thành phố H chơi. Biết vợ chồng anh Tuấn có cất tài sản trong tủ nhựa, chìa khóa cửa tiệm được móc chung với chùm chìa khóa xe môtô, nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khoảng giữa tháng 10/2018 Th mượn xe mô tô của chị Lê Thị B nói dối để đi chợ, rồi đi làm thêm 03 chìa khóa cất giữ trong người. Vào các ngày 09 và 22/11/2018, Lê Thị Th đã 02 lần trộm cắp tài sản của vợ chồng anh Tuấn như sau:

* Lần thứ nhất: Lê Thị Th đem theo con heo đất màu vàng mới mua ở chợ không có tiền bên trong giống như con heo đất của vợ chồng anh Tuấn để tiền hàng ngày. Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 09/11/2018, Th đi bộ đến tiệm làm tóc của anh Trần Văn T, dùng chìa khóa làm sẵn mở cửa đột nhập vào trong. Th đổi con heo đất có tiền của anh Tuấn và mở hộc tủ nhựa lén lút lấy trộm gồm: 01 lắc đeo tay, 02 nhẫn cưới có dính hạt màu trắng (lắc và nhẫn đều bằng kim loại vàng) và 01 con heo đất màu vàng (bên trong có tiền). Xong Th lấy con heo đã đem theo để vào hộc tủ nhựa; khóa cửa lại như cũ rồi ra về. Th đập vỡ con heo đất bên trong có số tiền 2.100.000đồng. Th khai, khoảng 02 ngày sau đem 01 lắc đeo tay bán cho một tiệm vàng tại thành phố Đà Nẵng (không nhớ địa chỉ) được 2.870.000đồng; khoảng 05 ngày sau, đem 02 nhẫn cưới đến bán cho tiệm vàng Phương Mai ở chợ Đông Ba được 1.600.000đồng. Toàn bộ số tiền có được Th sử dụng tiêu xài hết.

* Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 22/11/2018, Lê Thị Th tiếp tục dùng chìa khóa có sẵn mở của đột nhập vào tiệm làm tóc của vợ chồng anh Trần Văn T. Th mở hộc tủ nhựa, kiểm tra bên trong ví da nam có số tiền 1.150.000đồng nên lấy hết số tiền rồi để ví da lại; sau đó khóa cửa như cũ và đi về nhà. Số tiền có được Th tiêu xài hết.

Khoảng 08 giờ 00 ngày 22/11/2018, anh Trần Văn T đến mở cửa tiệm làm tóc, kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo với cơ quan Công an. Sáng ngày 23/11/2018 Lê Thị Th đến nhà anh Tuấn và thừa nhận mình là người lấy trộm tài sản. Sau đó Th đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định trưng cầu định giá tài sản xác định số tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 8.380.000đồng. trong đó bị cáo chiếm đoạt lần thứ nhất là 7.230.000đồng; lần thứ hai là: 1.150.000đồng;

Quá trình điều tra, anh Trần Văn T trình bày số tiền Việt Nam đồng bị mất trộm có trong con heo đất là hơn 20.000.000đồng, có trong ví da là 5.000.000đồng. Tuy nhiên, do không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền mà Th đã chiếm đoạt của anh Tuấn như anh đã trình bày.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần văn T yêu cầu Lê Thị Th phải bồi thường tổng số tiền là 30.000.000đồng. Lê Thị Th đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 8.380.000đồng để bồi thường thiệt hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Toà án nhân dân thành phố Huế đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Th (tên gọi khác: Bé) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Lê Thị Th (tên gọi khác: Bé) 07 (Bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành bản án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/7/2019, bị cáo Lê Thị Th có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm: Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị Th 07 (bảy) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là

có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Th. Tuy nhiên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 BLHS.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Lê Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm và thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không bào chữa, tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án, có cơ sở để kết luận:

Vào các ngày 09/11/2018 và 22/11/2018 tại tiệm làm tóc X đường T, phường T, Thành phố H, Lê Thị Th đã lén lút lấy trộm nhiều loại tài sản của vợ chồng anh Trần Văn T gồm: lắc đeo tay, nhẫn cưới, tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.380.000 đồng, trong đó lần thứ nhất là 7.230.000 đồng, lần thứ hai là 1.150.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế kết tội bị cáo Lê Thị Thh phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu, theo dõi, chuẩn bị công cụ, phương tiên phạm tội từ trước, nên thủ đoạn thực hiện việc phạm tội rất nhanh chóng, bài bản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù là đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Th.

Về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ thì thấy rằng: Bị cáo chỉ thực hiện hành vi chiếm đoạt ngày 09/1/2018 với tổng số tiền là 7.230.000 đồng là đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Do kháng cáo không được chấp nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Th (tên gọi khác: Bé) phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt Lê Thị Th (tên gọi khác: B) 07 (Bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị Th phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
*- VKSND tỉnh TT - Huế;*
*- Phòng PV06 CA tỉnh TT - Huế;*
*- Sở Tư pháp;*
*- TAND thành phố Huế;*
*- VKSND thành phố Huế;*
*- Công an thành phố Huế;*
*- Chi cục THADS thành phố Huế;*
*- Bị cáo;*
*- Lưu HSVA, HCTP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Minh**